



CHƯƠNG 3

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

VÀ THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH



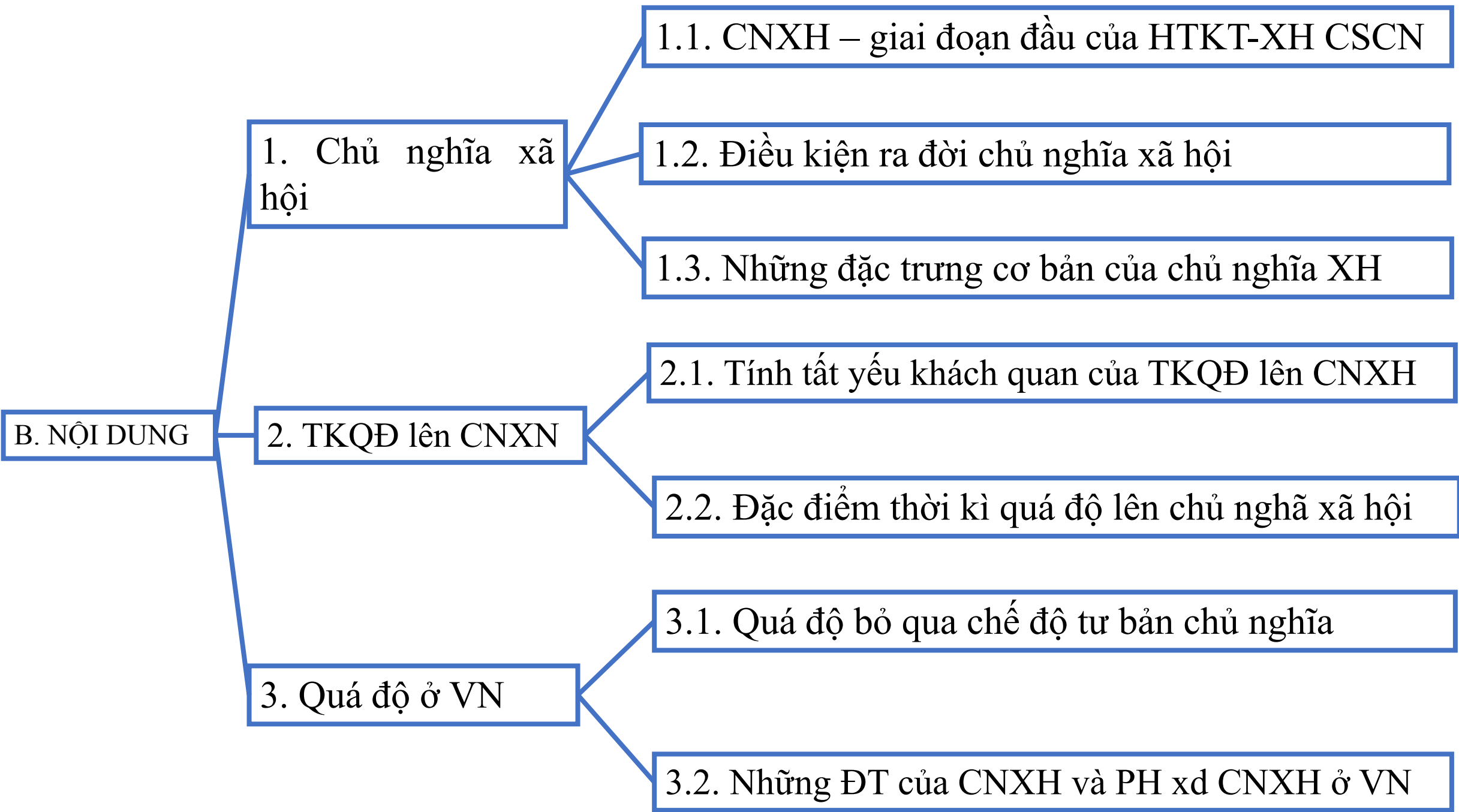
A. MỤC ĐÍCH



1. Kiến thức: Nắm vững QĐ CNM-L về CNXH, TKQĐ và sự vận dụng của Việt Nam...

2. Kỹ năng: Vận dụng phân tích CNXH, TKQĐ và sự vận dụng của Việt Nam.

3. Tư tưởng: Củng cố niềm tin khoa học vào chế độ XHCN, ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng ta.



1. Chủ nghĩa xã hội

* Định nghĩa: **CNXH** được hiểu theo 4 nét nghĩa.

1/ Là phong trào thực tiễn, ptr của ndld đấu tranh chống abbl (chiếm đoạt lao động) \Rightarrow bc, chống các GC **thống trị (sở hữu c)**.

$$W = c(tlsx) + v(nld) + m(p)$$

2/ Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng dân ndld khỏi abblbc.

3/ Là một khoa học – CNXHKH về SLML của GCCN.

4/ Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của HTKT-XH CSCN.

* Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của HTKT-XH CSCN.

1. HTKT-XH

2. HTKT-XH CSCN mà giai đoạn đầu là CNXH

HTKT-XH CSCN chia làm 3 gđ: gđ1 = TKQĐ; gđ2 = CNXH (XHCH); gđ3 = CNCS (CSCN)

1. Chủ nghĩa xã hội

* Phân biệt các thuật ngữ:

1/ Chủ nghĩa xã hội

2/ Chủ nghĩa cộng sản

3/ Xã hội chủ nghĩa = Xã hội xã hội chủ nghĩa

1. Chủ nghĩa xã hội

* Phân biệt các thuật ngữ:

1/ Chủ nghĩa xã hội: Mô hình lý thuyết (Học thuyết)

3/ Xã hội chủ nghĩa: Xã hội xây dựng theo mô hình lý thuyết (Xã hội trong hiện thực).

- 1.1. CNXH – giai đoạn đầu của HTKT-XH CSCN
- 1/ Học thuyết HTKT-XH CSCN
- 2/ Các giai đoạn phát triển của HTKT-XH CSCN
- 3/ Thời kì quá độ
- 4/ CNXH – giai đoạn đầu của HTKT-XH CSCN

1.2. Điều kiện ra đời của CNXH

1/ Mâu thuẫn giữa LLSX với QHSX

2/ Sự trưởng thành của GCCN

3/ Vai trò nhân tố chủ quan của công cuộc cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thực hiện TKQĐ từ CNTB lên CNXH và CNCS.

Phương thức CM: BLCM và CM phi BL.

1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH

* Đặc trưng tổng quát:

1/ CNXH giải phóng giai cấp, dân tộc và loài người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

2/ CNXH là XH do nhân dân lao động làm chủ.

* Đặc trưng cụ thể:

3/ Kinh tế: Nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX công hữu về TLSX chủ yếu.

4/ Chính trị: Nhà nước mang bản chất GCCN, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

5/ Văn hóa: Nền văn hóa phát triển cao trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa của nhân loại.

6/ Xã hội: Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân thế giới.

2. Thời kì quá độ lên CNXH

2.1. Tính tất yếu khách quan của TKQĐ lên CNXH

Sinh viên đọc tài liệu.

2.2. Đặc điểm TKQĐ lên CNXH

* Thực chất TKQĐ:

- Thời kì cải biến từ CNTB lên CNXH.
- Trong XH có sự đan xen nhiều tàn dư của XH cũ và những nhân tố tiến bộ của XH mới.

* Nội dung của TKQĐ:

- Thời kì cải biến cách mạng sâu sắc, triệt để trên mọi lĩnh vực; từng bước XD CSVC và ĐSTT của xã hội XHCN.
- TKQĐ là thời kì lâu dài: Từ khi GCCN giành lấy chính quyền => sử dụng chính quyền XD thành công CNXH.

* Nội dung cụ thể trên các lĩnh vực

1/ Trên lĩnh vực kinh tế: Tồn tại nhiều thành phần KT.

2/ Trên lĩnh vực chính trị: Thực hiện chuyên chính vô sản.

3/ Trên lĩnh vực văn hóa – tư tưởng: XD nền VH XHCN.

4/ Trên lĩnh vực xã hội: Tồn tại nhiều gc, tl tồn tại đan xen, vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau => Thời kì đấu tranh chống abblbc, thực hiện xh công bằng trên nguyên tắc phân phối theo lao động.

3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.1. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Khó khăn và thuận lợi trong thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam:

Khó khăn: Xã hội thuộc địa nửa phong kiến, llsx thấp, hậu quả chiến tranh...

Thuận lợi:

- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ diễn ra mạnh mẽ.
- Thời đại ngày nay: phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ vẫn diễn ra theo quy luật phát triển của lịch sử.

- * Đặc trưng quá độ gián tiếp, bỏ qua giai đoạn TBCN:
- 1/ Quá độ gián tiếp là tất yếu khách quan, vì:
 - Tiến trình phát triển tất yếu của lịch sử nhân loại.
 - Việt Nam là một nước thuộc địa, nửa PK, chưa trải qua HTKT-XH TBCN.
 - 2/ **Bỏ qua** gđ TBCN: Không xác lập vị trí thống trị của QHSX TBCN (sở hữu tư hữu tlsx) và không xd KTTT TBCN.
 - 3/ Kế thừa có chọn lọc những thành tựu của CNTB.
 - 4/ Tích lũy sự thay đổi về chất trên mọi lĩnh vực.

3.2. Những đặc trưng cơ bản của CNXH và phương hướng xd CNXH ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Những đặc trưng bản chất của CNXH Việt Nam

1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH

* Đặc trưng tổng quát:

1/ CNXH giải phóng giai cấp, dân tộc và loài người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

2/ CNXH là XH do nhân dân lao động làm chủ.

* Đặc trưng cụ thể:

3/ Kinh tế: Nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX công hữu về TLSX chủ yếu.

4/ Chính trị: Nhà nước mang bản chất GCCN, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

5/ Văn hóa: Nền văn hóa phát triển cao trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hóa của nhân loại.

6/ Xã hội: Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân thế giới.

3.2.1. Những đặc trưng cơ bản của CNXH Việt Nam

* Đặc trưng tổng quát:

1/ Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2/ CNXH là XH do nhân dân lao động làm chủ.

3/ Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

4/ Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

* Đặc trưng cụ thể:

3/ Kinh tế: Nền kinh tế phát triển cao dựa trên LLSX hiện đại và QHSX tiến bộ, phù hợp.

4/ Chính trị: Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân, do ĐCS lãnh đạo.

5/ Văn hóa: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

6/ Xã hội: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển.

3.2.2. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay

* Kinh tế:

- 1/ Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- 2/ Phát triển nền KTTT định hướng XHCN.

* Chính trị:

- 3/ XD NN PQ XHCN của dân, do dân và vì dân.
- 4/ XD nền DC XHCN, tăng cường đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.
- 5/ XD Đảng trong sạch, vững mạnh.

* Văn hóa, xã hội:

- 6/ XD nền VH TT-ĐBSDT; XD con người, nâng cao đời sống ND, thực hiện tiến bộ và CB XH.

* Quốc phòng an ninh và quan hệ quốc tế:

- 7/ Đảm bảo vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- 8/ Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.